

ĐOÀN TRƯỞNG THPT TRẦN PHÚ

THỐNG KÊ THỂ DỤC GIỮA GIỜ NĂM HỌC 2024-2025 TUẦN 1 TỪ NGÀY 10/12 - 13/12/2024														
LỚP	SĨ SỐ	HS HÓA NHẬP	SL BCH-UCV ĐT	SĨ SỐ TẬP THỰC TẾ	CÓ MẶT	VẮNG THEO CẬP NHẬT CỦA QLHS		SL VẮNG TẬP	% tập	ĐIỂM TDGG	TẬP TRUNG TRỄ TRÒN TẬP (GHI NHẬN MS)	TÁC PHONG (TẬP SAI ĐỘNG TÁC, KHÔNG NGHIỆM TỨC)	ĐIỂM TDGG	GHI CHÚ
						LÝ DO VẮNG	SL GHI NHẬN KHÔNG TRỦ							
12A01	38	2		36	35	Phúc Nghi (Đội tuyển)	1	0	100.00				2.00	
12A02	38	2		36	36			0	100.00				2.00	
12A03	45	2		43	42	Thanh Trúc(CP)	1	0	100.00				2.00	
12A04	46			46	46			0	100.00				2.00	
12A05	47			47	47			0	100.00				2.00	
12A06	46			46	45	Gia Báo(CP)	1	0	100.00				2.00	
12A07	45			45	42	Bảo Nam, Đức Phát(CP), Thanh Trúc (Đội tuyển)	3	0	100.00			A07-14, A07-23	1.80	2VP
12A08	45			45	44	Thanh Ngân(CP)	1	0	100.00				2.00	
12A09	45			45	44	Đức Huy (đội tuyển)	1	0	100.00			Quỳnh Như-A9	1.90	1VP
12A10	47			47	47			0	100.00				2.00	
12A11	46			46	44	Bảo Duy, Quang Minh(CP)	2	0	100.00				2.00	
12A12	46			46	43			3	93.48				2.00	
12A13	45			45	42			3	93.33				2.00	
12A14	45			45	43	Du Nghi, Minh Thấn(CP)	2	0	100.00				2.00	
12A15	47			47	47			0	100.00				2.00	
12A16	34	1		33	33			0	100.00				2.00	
12A17	34	1		33	33			0	100.00				2.00	
12A18	34			34	32	Thoại Đình, Anh Thư(CP)	2	0	100.00				2.00	
11B01	44			44	44			0	100.00				2.00	
11B02	42			42	42			0	100.00				2.00	
11B03	44			44	43	Minh Triết(CP)	1	0	100.00				2.00	
11B04	44			44	43			1	97.73				2.00	
11B05	43	1		42	40	Nhật Quang(CP)	1	1	97.62				2.00	
11B06	44			44	43			1	97.73			B06-38	1.90	1VP
11B07	44			44	44			0	100.00				2.00	
11B08	45		1	44	40	Nam Phương, Khánh Vy(CP)	2	2	95.45				2.00	
11B09	45	1		44	44			0	100.00				2.00	
11B10	45		1	44	44			0	100.00				2.00	
11B11	45			45	39			6	86.67				1.93	
11B12	47	1		46	44			2	95.65				2.00	
11B13	31	2		29	27	Gia Hân, Yến Oanh(CP)	2	0	100.00				2.00	
11B14	32			32	32			0	100.00				2.00	
11B15	45	2		43	34	Đặng Khánh(CP)	1	8	81.40				1.81	
11B16	45	1		44	42	Ngọc Hiếu(CP)	1	1	97.73				2.00	
11B17	45			45	36			9	80.00			B17-09	1.68	1VP
11B18	45			45	45			0	100.00				2.00	
11B19	35	2		33	33			0	100.00			B19-17	1.90	1VP
11B20	33	1		32	31	Tuấn Hưng(CP)	1	0	100.00			B20-30	1.90	1VP
11B21	36	2		34	29	Bảo Thy(CP)	1	4	88.24				1.96	
10C01	43		3	40	40			0	100.00				2.00	
10C02	43		1	42	38	Tuyết Minh(CP)	1	3	92.86				2.00	
10C03	42		1	41	40			1	97.56			C03-42	1.90	1VP
10C04	42	1	1	40	39			1	97.50			Hải Đăng	1.90	1VP
10C05	41			41	41			0	100.00				2.00	
10C06	42	1	1	40	38			2	95.00				2.00	
10C07	43		1	42	42			0	100.00				2.00	
10C08	45	1	1	43	42			1	97.67				2.00	
10C09	45	1	1	43	43			0	100.00		Tập trung trễ		1.50	Trễ
10C10	45	1		44	43	Hồng Quân(CP)	1	0	100.00		Tập trung trễ		1.50	Trễ
10C11	45	2		43	41	Nhật Khang, Diễm Quỳnh(CP)	2	0	100.00			Minh Thư - 35	1.90	1VP
10C12	49	1	1	47	47			0	100.00		Tập trung trễ		1.50	Trễ
10C13	47	1		46	46			0	100.00				2.00	
10C14	49			49	47			2	95.92				2.00	
10C15	48			48	44	Khương Duy(CP)	1	3	93.75				2.00	
10C16	41	3		38	37	Bảo Châu(CP)	1	0	100.00		Tập trung trễ		1.50	Trễ
10C17	39	2		37	34			3	91.89		Tập trung trễ	13-C17	1.40	Trễ, 1VP